

Số: 10/2026/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 12 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số nội dung chi, mức chi
cho công tác y tế dự phòng - dân số trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 141/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS);

Căn cứ Nghị định số 168/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số;

Xét Tờ trình số 139/TTr-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung chi, mức chi cho công tác y tế dự phòng - dân số trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 301/BC-VHXXH ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Ban Văn hóa-Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung chi, mức chi cho công tác y tế dự phòng - dân số trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung chi, mức chi cho công tác y tế dự phòng - dân số; mức hỗ trợ đối với nhân viên tiếp cận cộng đồng khi thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ triển khai các hoạt động về công tác y tế dự phòng - dân số trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nội dung chi, mức chi cho các hoạt động chung về y tế dự phòng - dân số

1. Tổ chức nói chuyện chuyên đề; tư vấn, hướng dẫn người bệnh và người nhà người bệnh phòng, điều trị, chăm sóc và hỗ trợ tâm lý cho người bệnh (ngoài chế độ công tác phí theo quy định hiện hành)

a) Chi hỗ trợ báo cáo viên, người thực hiện nói chuyện chuyên đề, tư vấn, hướng dẫn tập trung: 2.000.000 đồng/người/buổi;

b) Chi hỗ trợ người thực hiện tư vấn, hướng dẫn tại cộng đồng theo hình thức không tập trung: 5.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn, tối đa không quá 300.000 đồng/người tư vấn/tháng.

2. Chi hỗ trợ người trực tiếp tham gia công tác khám sàng lọc, khám lưu động tại cộng đồng (ngoài chế độ công tác phí theo quy định hiện hành)

a) Đối với người lấy mẫu bệnh phẩm, vật phẩm trong các đợt khám sàng lọc: 7.000 đồng/mẫu;

b) Đối với người trực tiếp khám, xét nghiệm bao gồm: bác sĩ, y sĩ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên y (trừ người lấy mẫu bệnh phẩm, vật phẩm): 90.000 đồng/người/ngày.

c) Đối với những người khác trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc: 40.000 đồng/người/ngày.

3. Chi hỗ trợ hoạt động giám sát bệnh truyền nhiễm; bệnh không lây nhiễm; an toàn thực phẩm; dinh dưỡng; sức khỏe sinh sản; dân số và trẻ em; y tế trường học; vệ sinh môi trường, nước sinh hoạt; môi trường lao động, bệnh nghề nghiệp; kiểm dịch y tế: 40.000 đồng/người/ngày (ngoài chế độ công tác phí theo quy định hiện hành).

4. Hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe

a) Chi hỗ trợ biên tập các nội dung truyền thông tại cộng đồng: 80.000 đồng/tin, bài (đối với tin bài từ 350 từ đến dưới 600 từ); 100.000 đồng/tin, bài (đối với tin bài từ 600 từ trở lên);

b) Tổ chức hỗ trợ mít tinh; tháng hành động; chiến dịch truyền thông; truyền thông lồng ghép:

- Chi hỗ trợ những người tổ chức, giám sát thực hiện chiến dịch, vận động và tư vấn (ngoài chế độ công tác phí hiện hành): 50.000 đồng/người/buổi;

- Chi hỗ trợ người trực tiếp tham gia chiến dịch: 50.000 đồng/người/buổi.

Điều 3. Nội dung chi, mức chi cho hoạt động đặc thù của công tác y tế dự phòng

1. Hoạt động tiêm chủng mở rộng

a) Chi hỗ trợ cán bộ y tế tại các Trạm Y tế, các bệnh viện cho trẻ uống hoặc tiêm vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng hoặc khi triển khai các chiến dịch tiêm chủng; tiêm vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai và phụ nữ tuổi sinh đẻ: 2.000 đồng/liều (uống hoặc tiêm);

b) Chi hỗ trợ cán bộ y tế tham gia điều tra, giám sát các trường hợp liệt mềm cấp nghi bại liệt từ ngày phát hiện bệnh đến ngày thứ 60, lấy và chuyển bệnh phẩm theo quy định: 400.000 đồng/ca bệnh.

2. Hoạt động phòng, chống sốt rét và sốt xuất huyết

a) Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện các xét nghiệm phát hiện bệnh sốt rét, sốt xuất huyết tại gia đình:

- Xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh: 5.000 đồng/mẫu;

- Xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt rét, sốt xuất huyết (từ khâu lấy mẫu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm): 25.000 đồng/mẫu (trong đó chi hỗ trợ người lấy mẫu bệnh phẩm, bảo quản, vận chuyển: 10.000 đồng/mẫu; chi hỗ trợ người làm xét nghiệm mẫu bệnh phẩm: 15.000 đồng/mẫu);

- Xét nghiệm PCR, giải trình tự gen: 30.000 đồng/mẫu (trong đó chi hỗ trợ người lấy mẫu bệnh phẩm, bảo quản, vận chuyển: 10.000 đồng/mẫu; chi hỗ trợ người làm xét nghiệm mẫu bệnh phẩm: 20.000 đồng/mẫu).

b) Chi hỗ trợ người trực tiếp phun, tắm hóa chất diệt muỗi: 270.000 đồng/người/ngày.

3. Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em

a) Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ em 6 tháng đến 60 tháng tuổi uống vitamin A tại cộng đồng: 2.000 đồng/trẻ/liều (lần uống);

b) Chi mua thực phẩm thực hiện truyền thông, tư vấn và hướng dẫn thực hành dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai, bà mẹ có con dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng: 10.000 đồng/người tham dự, tối đa không quá 300.000 đồng/buổi.

4. Hoạt động phòng, chống HIV/AIDS

a) Chi hỗ trợ sinh hoạt nhóm tuyên truyền viên đồng đẳng hàng tháng: 10.000 đồng/thành viên/tháng; tối đa không quá 1.200.000 đồng/nhóm/năm;

b) Chi hỗ trợ người thực hiện tư vấn thường xuyên hàng tháng tại cơ sở xét nghiệm HIV, cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế: 100.000 đồng/người/buổi, tối đa 500.000 đồng/người/tháng;

c) Chi phụ cấp nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được cấp thẻ khi thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV: 500.000 đồng/người/tháng. Trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được hưởng chế độ hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác thì không được hưởng mức hỗ trợ này và ngược lại.

5. Hoạt động phòng, chống phong

a) Chi hỗ trợ cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc và theo dõi người bệnh phong đa hóa trị liệu tại nhà (ngoài chế độ công tác phí hiện hành):

- Đối với người bệnh nhóm ít vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 6-9 tháng: 200.000 đồng/người bệnh/đợt điều trị đủ liều;

- Đối với người bệnh nhóm nhiều vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 12-18 tháng: 400.000 đồng/người bệnh/đợt điều trị đủ liều.

b) Chi hỗ trợ người bệnh phong thuộc hộ nghèo:

- Chi mua dụng cụ phục hồi chức năng cho người bệnh phong bị khuyết tật: 1.300.000 đồng/người bệnh;

- Trường hợp người bệnh nạo vét lỗ đào điều trị tại trạm y tế xã, cơ sở y tế khu vực được hỗ trợ 50.000 đồng/người/ngày, thời gian hỗ trợ không quá 20 ngày.

c) Chi hỗ trợ người phát hiện người bệnh phong mới và giới thiệu hoặc đưa được họ đến cơ sở y tế khám chẩn đoán: 200.000 đồng/người bệnh.

6. Hoạt động phòng, chống lao

a) Chi hỗ trợ cán bộ y tế làm công tác khám, phát hiện nguồn lây chính (lao phổi AFB) tại cộng đồng: 30.000 đồng/người bệnh lao AFB;

b) Chi hỗ trợ cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc, kiểm tra, giám sát người bệnh lao, lao kháng đa thuốc, lao tiềm ẩn điều trị đủ thời gian tại cộng đồng theo hướng dẫn của Bộ Y tế: 120.000 đồng/người bệnh/đợt điều trị 6 - 8 tháng; 100.000 đồng/người bệnh lao tiềm ẩn/đợt điều trị; 150.000 đồng/người bệnh lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 9 tháng; 300.000 đồng/người bệnh lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 20 tháng.

7. Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần

Chi hỗ trợ cán bộ y tế làm bảng hỏi Beck hoặc đánh giá trầm cảm khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế: 15.000 đồng/bảng hỏi.

Điều 4. Nội dung chi và mức chi cho hoạt động kiểm nghiệm và an toàn thực phẩm

1. Hoạt động kiểm nghiệm

a) Chi hỗ trợ thử nghiệm thành thạo, so sánh liên phòng:

- Chi xây dựng đề cương dự kiến chương trình thử nghiệm: 1.000.000 đồng/đề cương;

- Tổng hợp, xử lý kết quả phân tích của các phòng kiểm nghiệm: 1.000.000 đồng/báo cáo.

b) Chi hỗ trợ chuẩn hóa phòng kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017 và GLP đối với các cơ sở kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, bao gồm:

- Xây dựng, chuẩn hóa phương pháp thử ISO, GLP, TCVN/QCVN: 500.000 đồng/phương pháp thử;

- Hỗ trợ cán bộ chuẩn hóa: 100.000 đồng/người/ngày, tối đa không quá 500.000 đồng/người/tháng.

c) Chi hỗ trợ đánh giá nội bộ tối đa không quá 2 lần/năm:

- Xây dựng đề cương đánh giá nội bộ: 1.000.000 đồng/đề cương;

- Tổng hợp, báo cáo kết quả đánh giá nội bộ: 1.000.000 đồng/báo cáo;

- Hỗ trợ cán bộ chuẩn hóa tài liệu, giám sát đánh giá nội bộ: 200.000 đồng/cán bộ/đợt đánh giá; tối đa không quá 5 cán bộ/đợt đánh giá.

2. Hoạt động điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm

a) Chi hỗ trợ phân tích dữ liệu và báo cáo thông tin về ngộ độc thực phẩm: 2.600.000 đồng/vụ ngộ độc thực phẩm;

b) Chi hỗ trợ thù lao người trực tiếp điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm, dịch bệnh truyền qua thực phẩm (ngoài chế độ công tác phí; trường hợp cán bộ đã được hưởng phụ cấp chống dịch từ các nguồn kinh phí khác thì không hưởng chế độ thù lao này) mức hỗ trợ như sau:

- Tại khu vực lũ lụt, thiên tai, thảm họa, ổ bệnh dịch truyền qua thực phẩm: 130.000 đồng/người/ngày;

- Tại các khu vực, địa điểm khác: 100.000 đồng/người/ngày.

Điều 5. Nội dung chi và mức chi cho hoạt động Dân số

1. Mức thù lao hằng tháng đối với cộng tác viên dân số

a) Cộng tác viên dân số làm việc tại địa bàn thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên, hoặc tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên được hưởng 0,5 lần mức lương cơ sở;

b) Cộng tác viên dân số làm việc tại địa bàn còn lại được hưởng 0,4 lần mức lương cơ sở.

2. Chi cập nhật thông tin về biến động dân số và trẻ em của hộ gia đình vào sổ ghi chép ban đầu về dân số của cộng tác viên: 10.000 đồng/phiếu thu tin của ít nhất 5 hộ gia đình đã có thông tin tại sổ ghi chép hoặc của một hộ gia đình mới.

Điều 6. Nguồn kinh phí

Từ nguồn kinh phí chi sự nghiệp y tế được giao hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình quy định một số nội dung chi, mức chi đặc thù cho công tác Y tế dự phòng - Dân số trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt việc kiện toàn và cấp

kinh phí hỗ trợ cho y tế thôn, tổ dân phố kiêm thêm chức năng, nhiệm vụ của công tác viên dân số hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Khóa XVIII Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Y tế (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Sở Tư pháp (Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc Nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh Hưng Yên;
- Cổng thông tin điện tử đại biểu nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên;
- Lưu: VT, CVTh.



CHỦ TỊCH

Trần Quốc Văn

Ký bởi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 16/06/2026 16:15:28